

Số: 30 /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 28 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn
và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thú y và Bảo vệ thực vật tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25/5/2024 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 45/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ Quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Thông tư số 30/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và phát triển nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện;

Thực hiện Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 21/01/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai Thành lập Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lào Cai trên cơ sở hợp nhất Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Sở Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Thú y và Bảo vệ thực vật tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 03 năm 2025, thay thế Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 28/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Lào Cai; Quyết định số 17/2021/QĐ-UBND ngày 29/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Ban hành Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tỉnh Lào Cai.

Điều 3. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ;
- TT: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Sở Nội vụ (3b);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tư pháp;
- TT: HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Như Điều 3 QĐ;
- Báo Lào Cai;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NC2. *ue*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trịnh Xuân Trường

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức
của Chi cục Thú y và Bảo vệ thực vật tỉnh Lào Cai**

(Kèm theo Quyết định số: **30** /2025/QĐ-UBND

ngày **28** tháng **01** năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

Điều 1. Vị trí, chức năng

1. Chi cục Thú y và Bảo vệ thực vật là tổ chức hành chính trực thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường, giúp Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chức năng tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật về chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật.

2. Chi cục Thú y và Bảo vệ thực vật có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng để hoạt động theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của các Cục quản lý chuyên ngành có liên quan trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

3. Trụ sở: Đặt tại thành phố Lào Cai, tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn

1. Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về chăn nuôi, thú y:

a) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: chiến lược, kế hoạch phát triển chăn nuôi, quy định mật độ chăn nuôi của địa phương; Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về khu vực thuộc nội thành của thành phố, thị xã, thị trấn, khu dân cư không được phép chăn nuôi; quyết định chính sách hỗ trợ di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi; chính sách hỗ trợ, sản xuất, buôn bán, sử dụng thuốc thú y; các quy định, chính sách, hướng dẫn về hoạt động giết mổ, kiểm soát giết mổ động vật, kiểm tra vệ sinh thú y; kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật; chương trình giám sát, khống chế, thanh toán dịch bệnh động vật, xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo xây dựng và tổ chức vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật, vùng chăn nuôi, sản xuất, chế biến thức ăn chăn nuôi, giết mổ động vật tập trung, sơ chế, chế biến các sản phẩm có nguồn gốc động vật gắn với xử lý chất thải và bảo vệ môi trường; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch bệnh động vật gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản sau dịch bệnh động vật; xây dựng cơ sở dữ liệu, cập nhật số liệu, khai thác, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về chăn nuôi; cơ sở dữ

liệu về giám sát dịch bệnh động vật và thông tin dự báo, cảnh báo dịch bệnh động vật trên địa bàn tỉnh;

c) Hướng dẫn, kiểm tra thực hiện hoạt động chăn nuôi, hoạt động thú y trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về động vật, sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh; kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật xuất khẩu, nhập khẩu, tạm nhập tái xuất, chuyển cửa khẩu, kho ngoại quan, quá cảnh lãnh thổ Việt Nam khi được ủy quyền theo quy định của pháp luật;

đ) Tổ chức thực hiện công tác thu thập, lưu trữ, bảo tồn, khai thác nguồn gen giống vật nuôi; quản lý giống vật nuôi; quản lý thức ăn chăn nuôi và các vật tư khác thuộc lĩnh vực chăn nuôi và thú y theo quy định của pháp luật;

e) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về thuốc thú y, vật tư, hàng hóa thuộc lĩnh vực chăn nuôi, thú y trên địa bàn tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt;

g) Thực hiện nhiệm vụ quản lý về kiểm soát giết mổ động vật, sơ chế, chế biến động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y; hành nghề thú y; quản lý thuốc thú y theo quy định của pháp luật;

h) Kiểm tra nhà nước về chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu sau thông quan, thức ăn chăn nuôi sản xuất và lưu hành trong nước trên địa bàn tỉnh; kiểm tra điều kiện, đánh giá giám sát duy trì điều kiện của cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi; giám sát việc tiêu hủy đối với thức ăn chăn nuôi vi phạm chất lượng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật; kiểm tra điều kiện chăn nuôi của cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô vừa, quy mô nhỏ; đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi đối với cơ sở chăn nuôi trang trại quy mô lớn theo quy định của pháp luật.

2. Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về thủy sản:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: kế hoạch bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định; quyết định công nhận và giao quyền quản lý trong bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại khu vực thuộc địa bàn từ hai đơn vị hành chính cấp huyện trở lên; quyết định thành lập Quỹ bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh; quy định bổ sung nghề, ngư cụ, khu vực cấm khai thác thủy sản chưa có tên trong danh mục theo quy định của pháp luật;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo, tổ chức quản lý hoạt động thủy sản trên địa bàn; tổ chức sản xuất khai thác thủy sản; quản lý đối với khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; tổ chức thực hiện điều tra, đánh giá nguồn lợi thủy sản và môi trường sống của loài thủy sản theo chuyên đề, nghề cá thương phẩm trên địa bàn tỉnh; tổ chức thực hiện hoạt động tái tạo nguồn lợi thủy sản và phục hồi môi trường sống của loài thủy sản; điều tra, xác định bổ sung khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản; hướng dẫn, kiểm tra công tác quản lý nguồn lợi thủy sản và hệ sinh thái thủy sinh trong rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, nuôi trồng thủy sản, khai thác thủy sản; xây dựng

cơ sở dữ liệu về thủy sản trên địa bàn tỉnh và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thủy sản;

c) Thực hiện quản lý giống thủy sản, thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; giám sát hoạt động khảo nghiệm thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản; quan trắc, cảnh báo môi trường vùng nuôi trồng thủy sản; phòng, chống dịch bệnh thủy sản theo quy định pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện tuần tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý vi phạm pháp luật về thủy sản trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý theo quy định;

đ) Thực hiện kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy định của pháp luật về khai thác thủy sản, bảo vệ nguồn lợi thủy sản; quản lý, khai thác, sử dụng dữ liệu giám sát tàu cá của tỉnh, xử lý dữ liệu giám sát tàu cá đối với tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét đến dưới 24 mét;

e) Quản lý khai thác thủy sản nội địa trên địa bàn tỉnh theo quy định;

g) Quản lý mua, bán, sơ chế, chế biến, bảo quản, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản, sản phẩm thủy sản trên địa bàn tỉnh theo quy định.

3. Tham mưu Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn về bảo vệ thực vật:

a) Tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền: chính sách hỗ trợ sản xuất, buôn bán, sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; kế hoạch phòng chống sinh vật gây hại, kiểm dịch thực vật nội địa;

b) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và tổ chức thực hiện vùng không nhiễm sinh vật gây hại trên địa bàn; tổ chức phòng, chống dịch, thực hiện các biện pháp bảo vệ sản xuất khi xảy ra dịch hại thực vật; thống kê, đánh giá thiệt hại do dịch gây ra; thực hiện chính sách hỗ trợ ổn định đời sống, khôi phục sản xuất; tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; xây dựng cơ sở dữ liệu về bảo vệ và kiểm dịch thực vật;

c) Hướng dẫn và tổ chức thực hiện kiểm dịch nội địa về thực vật trên địa bàn tỉnh theo quy định; thực hiện cấp mã số vùng trồng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật;

d) Tổ chức thực hiện công tác quản lý phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác phục vụ sản xuất nông nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật;

đ) Quản lý và sử dụng dự trữ địa phương về thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư hàng hóa thuộc lĩnh vực bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

4. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường các nhiệm vụ:

a) Xây dựng và hướng dẫn thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường trong chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật tại địa phương; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ bảo tồn và phát triển bền vững đa dạng sinh học trong

chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm về giám định, đăng ký, cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép, giấy chứng nhận, xác nhận, quyết định công nhận, chứng chỉ hành nghề lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định của pháp luật theo phân công, ủy quyền của cấp có thẩm quyền và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

c) Xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ tư liệu về chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật; tổ chức công tác thống kê mặt nước nuôi trồng thủy sản và các hoạt động thông tin, lưu trữ, thống kê khác phục vụ yêu cầu quản lý của ngành nông nghiệp và môi trường theo quy định;

d) Thực hiện hợp tác quốc tế về lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật thuộc phạm vi quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường và theo phân công hoặc ủy quyền của cấp có thẩm quyền, quy định của pháp luật;

đ) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật đối với Phòng Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

e) Thực hiện chuyển đổi số trong chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật theo quy định;

g) Thực hiện nhiệm vụ cơ quan thường trực về quản lý buôn bán các loài động vật hoang dã, nguy cấp, quý hiếm; phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh;

h) Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật trên địa bàn tỉnh;

i) Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật và lĩnh vực khác được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt; thông tin tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao.

5. Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật và công nghệ vào lĩnh vực chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật theo phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường. Tham mưu cho Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề xuất, đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện công tác kiểm tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và xử lý vi phạm pháp luật thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật hoặc phân công, ủy quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

7. Tổ chức thực hiện cải cách hành chính; thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh

vực chăn nuôi, thú y, thủy sản, bảo vệ thực vật; quản lý tổ chức bộ máy, vị trí việc làm, biên chế công chức, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và số lượng người làm việc; thực hiện chế độ tiền lương và chính sách, chế độ đãi ngộ, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật đối với công chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công, ủy quyền của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

8. Quản lý và chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

9. Thực hiện công tác thông tin, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình nhiệm vụ được giao theo quy định, yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường, các Cục quản lý chuyên ngành có liên quan thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường giao và theo quy định pháp luật.

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Lãnh đạo Chi cục:

a) Chi cục Thú y và Bảo vệ thực vật gồm Chi cục trưởng và không quá 02 Phó Chi cục trưởng;

b) Chi cục trưởng là người đứng đầu Chi cục, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Chi cục;

c) Phó Chi cục trưởng là người giúp Chi cục trưởng, chịu trách nhiệm trước Chi cục trưởng và trước pháp luật về lĩnh vực công tác được phân công. Khi Chi cục trưởng vắng mặt, một Phó Chi cục trưởng được Chi cục trưởng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Chi cục;

d) Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, cho từ chức, nghỉ hưu và thực hiện chế độ chính sách khác đối với Chi cục trưởng, Phó Chi cục trưởng Chi cục Thú y và Bảo vệ thực vật thực hiện theo quy định của pháp luật và theo phân cấp quản lý về công tác tổ chức cán bộ của tỉnh.

2. Các phòng tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ:

a) Phòng Nghiệp vụ, Tổng hợp;

b) Phòng Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật;

c) Phòng Chăn nuôi và Thú y.

3. Trạm Thú y các huyện, thị xã, thành phố:

a) Trạm Thú y huyện Bát Xát;

b) Trạm Thú y huyện Văn Bàn;

c) Trạm Thú y huyện Si Ma Cai;

- d) Trạm Thú y huyện Bắc Hà;
- đ) Trạm Thú y huyện Bảo Yên;
- e) Trạm Thú y huyện Bảo Thắng;
- g) Trạm Thú y huyện Mường Khương;
- h) Trạm Thú y thị xã Sa Pa;
- i) Trạm Thú y thành phố Lào Cai.

Các Trạm Thú y có trụ sở, con dấu, tài khoản và được cấp kinh phí để hoạt động theo quy định của pháp luật.

4. Số lượng cấp phó của người đứng đầu Chi cục, phòng thuộc Chi cục Thú y và Bảo vệ thực vật có thể bố trí cao hơn số lượng quy định, tuy nhiên cơ quan, đơn vị phải xây dựng phương án sắp xếp giảm số lượng cấp phó theo quy định trong thời hạn 05 năm kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định sắp xếp bộ máy.

Điều 4. Trách nhiệm của Chi cục trưởng Chi cục Thú y và Bảo vệ thực vật

Tổ chức triển khai thực hiện Quy định này. Quyết định ban hành Quy chế làm việc của Chi cục, nội quy cơ quan, các quy định khác có liên quan và chỉ đạo, điều hành hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, bảo đảm mọi hoạt động của Chi cục hiệu lực, hiệu quả.

Điều 5. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, phát sinh cần phải điều chỉnh, Chi cục trưởng Chi cục Thú y và Bảo vệ thực vật báo cáo Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./ 